BỘ CÔNG AN
CÔNG AN TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:6973 /QĐ-CAT-CSGT

Lạng Sơn, ngày 29 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công khai thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ trong lĩnh vực bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Công an tỉnh Lạng Sơn

GIÁM ĐỐC CÔNG AN TỈNH LẠNG SƠN

Căn cứ Thông tư số 09/2025/TT-BCA ngày 25/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị định số 151/2024/NĐ-CP ngày 15/11/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 184/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 và Nghị định số 236/2026/NĐ-CP ngày 26/6/2026;

Căn cứ Nghị định số 94/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ quy định hoạt động đào tạo và sát hạch lái xe;

Căn cứ Thông tư số 79/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ Công an quy định về cấp, thu hồi chứng nhận đăng ký xe, biển số xe cơ giới, xe máy chuyên dùng được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 13/2025/TT-BCA ngày 28/02/2025, Thông tư số 51/2025/TT-BCA ngày 30/6/2025 và Thông tư số 37/2026/TT-BCA ngày 24/4/2026;

Căn cứ Thông tư số 65/2024/TT-BCA ngày 12/11/2024 của Bộ Công an quy định kiểm tra kiến thức pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ để được phục hồi điểm giấy phép lái xe được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 105/2026/TT-BCA ngày 26/6/2026;

Căn cứ Thông tư số 108/2026/TT-BCA ngày 29/6/2026 của Bộ Công an quy định về sát hạch, cấp giấy phép lái xe; cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế;

Căn cứ Thông tư số 62/2026/TT-BCA ngày 18/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công an;

Căn cứ Quyết định số 4685/QĐ-BCA-C08, ngày 23/7/2026 của Bộ Công an công bố TTHC mới ban hành, TTHC được sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ trong lĩnh vực bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Công an;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Cảnh sát giao thông, Công an tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ trong lĩnh vực bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Công an tỉnh Lạng Sơn *(có danh mục, nội dung cụ thể kèm theo).*

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, bãi bỏ và thay thế Quyết định số 7950/QĐ-CAT-PC08 ngày 26/12/2024 của Công an tỉnh về việc công khai thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực kiểm tra kiến thức pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Công an; Quyết định số 1758/QĐ-CAT-PC08 ngày 06/3/2025 của Công an tỉnh về việc công khai thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đăng ký, quản lý phương tiện giao thông cơ giới, xe máy chuyên dùng; cấp phép hoạt động phương tiện giao thông thông minh thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Công an; Quyết định số 2376/QĐ-CAT-PC08 ngày 26/3/2025 của Công an tỉnh về việc công khai thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Công an; Thủ tục hành chính số 4, 5, 6, 7, 8, 9 tại Danh mục thủ tục hành chính ban hành kèm theo Quyết định số 2623/QĐ-CAT-PV01 ngày 03/3/2025 của Công an tỉnh về việc công khai danh mục thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực sát hạch, cấp Giấy phép lái xe; cấp Phiếu lý lịch tư pháp; tổ chức cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Công an tỉnh Lạng Sơn.

Điều 3. Các đồng chí Trưởng phòng, Trưởng Công an cấp xã thuộc Công an tỉnh và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Cục Pháp chế và CCHC, TP - Bộ Công an;
- Cục Cảnh sát giao thông - Bộ Công an;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Giám đốc Công an tỉnh;
- Các đồng chí Phó Giám đốc CAT;
- Lưu: VT, CSGT (Đ3).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CÔNG HOÀ X.H.C.N VIỆT NAM
CÔNG AN TỈNH LẠNG SƠN

Đại tá Lê Đăng Khoa

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG VÀ BỊ BÃI BỎ TRONG LĨNH VỰC BẢO ĐẢM TRẬT TỰ, AN TOÀN GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CÔNG AN TỈNH LẠNG SƠN

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-CAT-CSGT ngày 29/7/2026 của Công an tỉnh Lạng Sơn)

PHẦN THỨ NHẤT: DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH

TT	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản QPPL được sửa đổi, bổ sung, thay thế	Cơ quan thực hiện
I	**Lĩnh vực đăng ký, quản lý phương tiện giao thông cơ giới, xe máy chuyên dùng; cấp phép hoạt động phương tiện giao thông thông minh; cấp phép sử dụng thiết bị phát tín hiệu của xe ưu tiên**		
1	Đăng ký, cấp chứng nhận đăng ký xe, biển số xe	- Thông tư số 79/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về cấp, thu hồi chứng nhận đăng ký, biển số xe cơ giới, xe máy chuyên dùng được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 13/2025/TT-BCA, Thông tư số 51/2025/TT-BCA và Thông tư số 37/2026/TT-BCA. - Thông tư số 62/2026/TT-BCA ngày 18/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công an.	Thực hiện tại cấp tỉnh (Phòng Cảnh sát giao thông); cấp xã
2	Thu hồi chứng nhận đăng ký xe, biển số xe		
3	Cấp, thu hồi giấy phép hoạt động đối với phương tiện giao thông thông minh	- Nghị định số 151/2024/NĐ-CP ngày 15/11/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 184/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 và Nghị định số 236/2026/NĐ-CP ngày 26/6/2026. - Nghị quyết số 22/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ quy định về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công an. - Thông tư số 62/2026/TT-BCA ngày 18/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công an.	Thực hiện tại cấp tỉnh (Phòng Cảnh sát giao thông)
4	Cấp, cấp lại giấy phép sử dụng thiết bị phát tín hiệu của xe ưu tiên	- Nghị định số 151/2024/NĐ-CP ngày 15/11/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 184/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 và Nghị định số 236/2026/NĐ-CP ngày 26/6/2026. - Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP ngày 7/4/2026 của Chính phủ về Cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy định liên quan đến hoạt động sản xuất,	Thực hiện tại cấp tỉnh (Phòng Cảnh sát giao thông)

		kinh doanh. - Nghị quyết số 22/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ quy định về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công an.	
II	**Lĩnh vực sát hạch, cấp giấy phép lái xe**		
1	Cấp, cấp lại giấy phép sát hạch cho trung tâm sát hạch lái xe	Nghị định số 94/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ quy định về hoạt động đào tạo, sát hạch lái xe.	Thực hiện tại cấp tỉnh (Phòng Cảnh sát giao thông)
2	Chấp thuận, chấp thuận lại hoạt động của sân tập lái để sát hạch lái xe mô tô		
3	Thu hồi giấy phép sát hạch; thu hồi chấp thuận hoạt động của sân tập lái để sát hạch lái xe mô tô		
4	Đổi, cấp lại giấy phép lái xe	Thông tư số 108/2026/TT-BCA ngày 29/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về sát hạch, cấp giấy phép lái xe; cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế.	
5	Đổi giấy phép lái xe quân sự, Công an		

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản QPPL được sửa đổi, bổ sung	Cơ quan thực hiện
II	**Lĩnh vực sát hạch, cấp giấy phép lái xe**			
1	3.000346	Cấp giấy phép lái xe	Thông tư số 108/2026/TT-BCA ngày 29/6/2026 của Bộ Công an quy định về sát hạch, cấp giấy phép lái xe; cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế (thay thế Thông tư số 12/2025/TT-BCA ngày 28/2/2025 của Bộ Công an quy định về sát hạch, cấp giấy phép lái xe; cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế).	Thực hiện tại cấp tỉnh (Phòng Cảnh sát giao thông)
2	3.000351	Đổi giấy phép lái xe của người nước ngoài		
3	3.000352	Thu hồi giấy phép lái xe		Thực hiện tại cấp trung ương, cấp tỉnh
4	3.000353	Cấp giấy phép lái xe quốc tế		
5	1.013211	Kiểm tra kiến thức pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ để được phục hồi điểm giấy phép lái xe	Thông tư số 65/2024/TT-BCA ngày 12/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định kiểm tra kiến thức pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ để được phục hồi	

			điểm giấy phép lái xe được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 105/2026/TT-BCA ngày 26/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Công an.	

C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản QPPL được sửa đổi, bổ sung	Cơ quan thực hiện
I	**Lĩnh vực đăng ký, quản lý phương tiện giao thông cơ giới, xe máy chuyên dùng; cấp phép hoạt động phương tiện giao thông thông minh; cấp phép sử dụng thiết bị phát tín hiệu của xe ưu tiên**			
1	1.012575	Đăng ký xe lần đầu trực tuyến toàn trình đối với xe sản xuất lắp ráp trong nước thực hiện tại cấp tỉnh, cấp xã	- Thông tư số 79/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về cấp, thu hồi chứng nhận đăng ký, biển số xe cơ giới, xe máy chuyên dùng. - Thông tư số 13/2025/TT-BCA ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định về trật tự, an toàn giao thông đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa.	Thực hiện tại cấp tỉnh, cấp xã
2	1.013066	Đăng ký xe lần đầu trực tuyến toàn trình đối với xe nhập khẩu thực hiện tại cấp tỉnh, cấp xã		
3	1.013067	Đăng ký, cấp biển số xe lần đầu thực hiện bằng dịch vụ công một phần hoặc trực tiếp thực hiện tại cấp trung ương, cấp tỉnh, cấp xã		Thực hiện tại cấp trung ương, cấp tỉnh, cấp xã
4	1.013076	Cấp chứng nhận đăng ký xe, biển số xe trong trường hợp thay đổi chủ xe (đăng ký sang tên xe) bằng dịch vụ công trực tuyến một phần hoặc trực tiếp thực hiện tại cấp trung ương, cấp tỉnh, cấp xã		
5	1.013079	Đổi chứng nhận đăng ký xe, biển số xe bằng dịch vụ công trực tuyến một phần hoặc trực tiếp thực hiện tại cấp trung ương, cấp tỉnh, cấp xã		
6	1.013080	Cấp lại chứng nhận đăng ký xe, biển số xe thực hiện bằng dịch vụ công trực tuyến toàn trình		
7	1.013082	Cấp lại chứng nhận đăng ký xe, biển số xe thực hiện bằng dịch vụ công trực tuyến một phần hoặc trực tiếp thực hiện tại cấp trung ương, cấp tỉnh, cấp xã		
8	1.013083	Đăng ký xe tạm thời thực hiện bằng dịch vụ công trực tuyến toàn trình		
9	1.013086	Đăng ký xe tạm thời thực hiện bằng dịch vụ công trực tuyến một phần hoặc trực tiếp thực hiện tại cấp trung ương, cấp tỉnh, cấp xã		
10	1.013065	Thu hồi chứng nhận đăng ký xe, biển số xe thực hiện bằng dịch vụ công toàn trình		
11	1.013065	Thu hồi giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe thực hiện bằng dịch vụ công trực tuyến một phần hoặc trực tiếp thực hiện tại cấp		

		trung ương, cấp tỉnh, cấp xã		
12	3.000382	Cấp phép hoạt động đối với phương tiện giao thông thông minh	Nghị định số 151/2024/NĐ-CP ngày 15/11/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 184/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 và Nghị định số 236/2026/NĐ-CP ngày 26/6/2026.	Thực hiện tại cấp tỉnh (Phòng Cảnh sát giao thông)
13	3.000383	Cấp lại Giấy phép hoạt động phương tiện giao thông thông minh		
14	3.000381	Thu hồi Giấy phép hoạt động phương tiện giao thông thông minh		
15	3.000400	Cấp mới Giấy phép sử dụng thiết bị phát tín hiệu của xe ưu tiên		Thực hiện tại cấp trung ương, cấp tỉnh
16	3.000401	Cấp lại Giấy phép sử dụng thiết bị phát tín hiệu của xe ưu tiên		
II	**Lĩnh vực sát hạch, cấp giấy phép lái xe**			
1	3.000355	Cấp giấy phép sát hạch cho trung tâm sát hạch lái xe loại 1, loại 2	Nghị định số 160/2026/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định hoạt động đào tạo, sát hạch lái xe.	Thực hiện tại cấp trung ương
2	3.000356	Cấp lại giấy phép sát hạch cho trung tâm lái xe loại 1, loại 2		
3	3.000357	Thu hồi giấy phép sát hạch của trung tâm sát hạch lái xe loại 1, loại 2		
4	3.000358	Chấp thuận hoạt động của sân tập lái để sát hạch lái xe mô tô		Thực hiện tại cấp tỉnh (Phòng Cảnh sát giao thông)
5	3.000359	Chấp thuận lại hoạt động của sân tập lái để sát hạch lái xe mô tô		
6	3.000360	Thu hồi chấp thuận hoạt động của sân tập lái để sát hạch lái xe mô tô		
7	3.000361	Cấp giấy phép sát hạch cho trung tâm sát hạch lái xe loại 3		
8	3.000362	Cấp lại giấy phép sát hạch cho trung tâm sát hạch lái xe loại 3		
9	3.000363	Thu hồi giấy phép sát hạch của trung tâm sát hạch lái xe loại 3		
10	3.000347	Đổi giấy phép lái xe	Thông tư 12/2025/TT-BCA ngày 28/02/2025 của Bộ Công an quy định về sát hạch, cấp giấy phép lái xe; cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế.	
11	3.000348	Cấp lại giấy phép lái xe		
12	3.000349	Đổi giấy phép lái xe quân sự do Bộ Quốc phòng cấp		
13	3.000350	Đổi giấy phép lái xe Công an nhân dân		

PHẦN THỨ HAI: NỘI DUNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH

A. LĨNH VỰC ĐĂNG KÝ, QUẢN LÝ PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG CƠ GIỚI, XE MÁY CHUYÊN DÙNG

I. Thủ tục: Đăng ký, cấp chứng nhận đăng ký xe, biển số xe

1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân lựa chọn một trong các nội dung sau:

+ Đăng ký xe lần đầu;

+ Đăng ký sang tên xe;

+ Đổi chứng nhận đăng ký xe, biển số xe;

+ Cấp lại chứng nhận đăng ký xe, biển số xe;

+ Đăng ký xe tạm thời.

- Bước 2: Kê khai, nộp hồ sơ

Chủ xe thực hiện thủ tục kê khai hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) hoặc kê khai trực tiếp tại cơ quan đăng ký xe theo quy định.

Chủ xe thực hiện thủ tục nộp hồ sơ theo nội dung đăng ký.

- Trường hợp thực hiện trực tuyến thì kê khai và nộp hồ sơ thông qua Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID).

- Trường hợp thực hiện trực tiếp thì nộp hồ sơ tại cơ quan đăng ký xe có thẩm quyền.

- Đối với trường hợp pháp luật quy định phải kiểm tra thực tế xe thì đưa xe đến cơ quan đăng ký xe để kiểm tra.

- Bước 3: Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ

+ Cơ quan đăng ký xe: Tiếp nhận hồ sơ; Kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ; Đối chiếu dữ liệu điện tử; Kiểm tra thực tế xe (nếu thuộc trường hợp phải kiểm tra).

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì cán bộ đăng ký xe phải hướng dẫn ngay cho chủ xe bổ sung hồ sơ theo quy định.

- Bước 4: Giải quyết hồ sơ

Sau khi hồ sơ hợp lệ, cơ quan đăng ký xe thực hiện: Cấp mới chứng nhận đăng ký xe, biển số xe; Cấp chứng nhận đăng ký xe, biển số xe khi sang tên; Đổi chứng nhận đăng ký xe, biển số xe; Cấp lại chứng nhận đăng ký xe, biển số xe; Cấp chứng nhận đăng ký xe tạm thời, biển số xe tạm thời; Cấp chứng nhận thu hồi chứng nhận đăng ký xe, biển số xe (đối với trường hợp sang tên hoặc trường hợp phải thu hồi theo quy định).

- Bước 5: Nộp phí, lệ phí

Chủ xe thực hiện thủ tục nộp phí, lệ phí theo quy định của Bộ Tài chính.

- Bước 6: Trả kết quả

+ Kết quả được trả trực tiếp tại cơ quan đăng ký xe hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc thông qua môi trường điện tử đối với các trường hợp đủ điều kiện (theo lựa chọn của chủ xe).

+ Dữ liệu điện tử về đăng ký xe được tích hợp trên Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID), VNeTraffic.

2. Cách thức thực hiện:

- Thực hiện trực tuyến toàn trình trên Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID);

- Thực hiện trực tuyến một phần trên Cổng Dịch vụ công quốc gia;

- Thực hiện trực tiếp tại cơ quan đăng ký xe.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ: Tùy từng trường hợp thực hiện, hồ sơ gồm một hoặc một số giấy tờ sau:

- Giấy khai đăng ký xe *(Mẫu ĐKX10/79 ban hành kèm theo Thông tư số 13/2025/TT-BCA ngày 28/02/2025)*.

- Giấy tờ của chủ xe theo quy định.

- Giấy tờ của xe, gồm: Chứng nhận nguồn gốc xe; Chứng từ chuyển quyền sở hữu xe; Chứng từ hoàn thành nghĩa vụ tài chính; Chứng nhận đăng ký xe; Biển số xe; Chứng nhận thu hồi chứng nhận đăng ký xe, biển số xe; Giấy tờ cải tạo xe; Giấy tờ phục vụ đăng ký xe tạm thời; Các giấy tờ khác theo quy định của pháp luật về đăng ký xe.

- Trường hợp cơ quan giải quyết thủ tục hành chính khai thác được thông tin trong cơ sở dữ liệu thì không yêu cầu người nộp hồ sơ cung cấp giấy tờ này.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

4. Thời hạn giải quyết:

- Cấp mới, cấp đổi, cấp lại chứng nhận đăng ký xe: không quá 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Cấp biển số xe lần đầu: thực hiện ngay sau khi hồ sơ hợp lệ.

- Cấp lại biển số xe; cấp biển số định danh; cấp biển số trúng đấu giá: không quá 07 ngày làm việc.

- Cấp chứng nhận đăng ký xe tạm thời: không quá 01 ngày làm việc.

Thời gian giải quyết được tính từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ và người thực hiện thủ tục hoàn thành nghĩa vụ tài chính theo quy định.

5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu thực hiện một trong các nội dung: Đăng ký xe lần đầu; Đăng ký sang tên xe; Đổi chứng nhận đăng ký xe, biển số xe; Cấp lại chứng nhận đăng ký xe, biển số xe; Đăng ký xe tạm thời.

6. Cơ quan giải quyết TTHC: Cơ quan đăng ký xe cấp trung ương, cấp tỉnh và cấp xã theo phân cấp.

7. Kết quả thực hiện TTHC:

Một hoặc các kết quả sau: Chứng nhận đăng ký xe; Biển số xe; Chứng nhận thu hồi chứng nhận đăng ký xe, biển số xe; Chứng nhận đăng ký xe tạm thời; Biển số xe tạm thời.

8. Phí, lệ phí: Theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí đăng ký xe và cấp biển số xe.

9. Tên mẫu đơn, tờ khai:

- Giấy khai đăng ký xe *(Mẫu ĐKX10/79 ban hành kèm theo Thông tư số 13/2025/TT-BCA ngày 28/02/2025)*.

- Các biểu mẫu khác theo quy định của Bộ Công an.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Người thực hiện thủ tục phải đáp ứng các điều kiện tương ứng đối với từng trường hợp đăng ký xe lần đầu, sang tên, đổi, cấp lại hoặc đăng ký xe tạm thời theo quy định của pháp luật về đăng ký xe.

11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ số 36/2024/QH15 ngày 27/6/2024 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 118/2025/QH15 ngày 10/12/2025.

- Thông tư số 79/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về cấp, thu hồi chứng nhận đăng ký, biển số xe cơ giới, xe máy chuyên dùng được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 13/2025/TT-BCA, Thông tư số 51/2025/TT-BCA và Thông tư số 37/2026/TT-BCA.

- Thông tư số 62/2026/TT-BCA ngày 18/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công an.

- Thông tư số 154/2025/TT-BTC ngày 31/12/2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp phí sát hạch lái xe, lệ phí cấp bằng, chứng chỉ được hoạt động trên các loại phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng.

- Thông tư số 155/2025/TT-BTC ngày 31/12/2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn lệ phí đăng ký, cấp biển phương tiện giao thông.

II. Thủ tục: Thu hồi chứng nhận đăng ký xe, biển số xe

1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Nộp hồ sơ

+ Chủ xe thực hiện một trong các hình thức sau: Đăng nhập bằng tài khoản định danh điện tử mức độ 2 trên Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) để kê khai Giấy khai thu hồi chứng nhận đăng ký xe, biển số xe điện tử; hoặc kê khai trực tiếp tại cơ quan đăng ký xe.

+ Chủ xe nộp hồ sơ theo quy định, bao gồm chứng nhận đăng ký xe, biển số xe và các giấy tờ liên quan (nếu thuộc trường hợp phải nộp).

+ Trường hợp mất chứng nhận đăng ký xe hoặc biển số xe thì ghi rõ lý do trong Giấy khai thu hồi chứng nhận đăng ký xe, biển số xe.

- Bước 2: Tiếp nhận hồ sơ

Trường hợp thực hiện trực tuyến, Cổng Dịch vụ công quốc gia tự động tạo mã hồ sơ và gửi thông báo tiếp nhận qua tin nhắn hoặc thư điện tử.

Cơ quan đăng ký xe kiểm tra hồ sơ, đối chiếu thông tin và tiếp nhận hồ sơ hợp lệ.

- Bước 3: Giải quyết hồ sơ

+ Cơ quan đăng ký xe kiểm tra hồ sơ và thực hiện thu hồi chứng nhận đăng ký xe, biển số xe theo quy định.

+ Đối với trường hợp chuyển quyền sở hữu xe, xe tái xuất, xe hết thời hạn đăng ký tại khu kinh tế đặc biệt, xe tháo máy để đăng ký cho xe khác theo quy định của pháp luật thì cơ quan đăng ký xe cấp Chứng nhận thu hồi chứng nhận

đăng ký xe, biển số xe theo quy định.

+ Trường hợp thu hồi theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 5 Điều 39 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ thì Chứng nhận thu hồi có dán bản chà số máy, số khung và đóng dấu giáp lai của cơ quan đăng ký xe.

- Bước 4: Trả kết quả

Chủ xe nhận kết quả trực tiếp tại cơ quan đăng ký xe hoặc trên Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính.

2. Cách thức thực hiện:

- Thực hiện trực tuyến toàn trình trên Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID);

- Thực hiện trực tuyến một phần trên Cổng Dịch vụ công quốc gia;

- Thực hiện trực tiếp tại cơ quan đăng ký xe.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đối với trường hợp thu hồi do xe hết niên hạn sử dụng, hư hỏng không sử dụng được, xe bị thải bỏ, xe bị mất không tìm được:

+ Giấy khai thu hồi chứng nhận đăng ký xe, biển số xe (*Mẫu ĐKX11 ban hành kèm theo Thông tư số 79/2024/TT-BCA)*;

+ Giấy tờ của chủ xe theo quy định;

+ Chứng nhận đăng ký xe, biển số xe (nếu còn).

- Đối với các trường hợp chuyển quyền sở hữu xe, xe tái xuất, xe hết thời hạn đăng ký, xe tháo máy để đăng ký cho xe khác:

+ Giấy khai thu hồi chứng nhận đăng ký xe, biển số xe *(Mẫu ĐKX11 ban hành kèm theo Thông tư số 79/2024/TT-BCA)*;

+ Giấy tờ của chủ xe theo quy định;

+ 02 bản chà số máy, số khung xe;

+ Chứng nhận đăng ký xe; Biển số xe.

- Đối với xe của cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự, tổ chức quốc tế hoặc thành viên các cơ quan, tổ chức đó: Ngoài các giấy tờ nêu trên phải có Giấy giới thiệu của cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

- Trường hợp cơ quan giải quyết thủ tục hành chính khai thác được thông tin trong cơ sở dữ liệu thì không yêu cầu người nộp hồ sơ cung cấp giấy tờ này.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

4. Thời hạn giải quyết:

- Không quá 08 giờ làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp thu hồi trực tuyến toàn trình do xe hết niên hạn sử dụng, hư hỏng không sử dụng được, xe bị thải bỏ hoặc xe bị mất không tìm được;

- Không quá 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với các trường hợp còn lại;

- Trường hợp mất chứng nhận đăng ký xe hoặc biển số xe: không quá 02 ngày làm việc;

- Cấp bản sao Chứng nhận thu hồi chứng nhận đăng ký xe, biển số xe: không quá 02 ngày làm việc.

5. Đối tượng thực hiện TTHC: Chủ xe hoặc người được chủ xe ủy quyền theo quy định thực hiện thủ tục thu hồi chứng nhận đăng ký xe, biển số xe trong các trường hợp pháp luật quy định.

6. Cơ quan giải quyết TTHC: Cơ quan đăng ký xe thuộc Bộ Công an thực hiện đăng ký xe ở cấp trung ương, cấp tỉnh và cấp xã theo phân cấp.

7. Kết quả thực hiện TTHC: Chứng nhận thu hồi chứng nhận đăng ký xe, biển số xe (*Mẫu ĐKX07/79 ban hành kèm theo Thông tư số 13/2025/TT-BCA ngày 28/02/2025)*.

8. Phí, lệ phí: Không.

9. Tên mẫu đơn, tờ khai: Giấy khai thu hồi chứng nhận đăng ký xe, biển số xe *(Mẫu ĐKX11 ban hành kèm theo Thông tư số 79/2024/TT-BCA)*.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày xe hết niên hạn sử dụng, xe hư hỏng không sử dụng được hoặc xe bị thải bỏ, chủ xe phải thực hiện thủ tục thu hồi theo quy định.

- Việc thu hồi chứng nhận đăng ký xe, biển số xe phải thuộc một trong các trường hợp quy định tại Điều 39 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ và các văn bản hướng dẫn thi hành.

11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ số 36/2024/QH15 ngày 27/6/2024 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 118/2025/QH15 ngày 10/12/2025.

- Thông tư số 79/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về cấp, thu hồi chứng nhận đăng ký, biển số xe cơ giới, xe máy chuyên dùng được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 13/2025/TT-BCA, Thông tư số 51/2025/TT-BCA và Thông tư số 37/2026/TT-BCA.

- Thông tư số 62/2026/TT-BCA ngày 18/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công an.

III. Thủ tục: Cấp, thu hồi giấy phép hoạt động đối với phương tiện giao thông thông minh

1. Trình tự thực hiện:

a) Trường hợp cấp Giấy phép hoạt động:

- Bước 1: Chủ sở hữu phương tiện hoặc người được ủy quyền theo quy định của pháp luật chuẩn bị 01 bộ hồ sơ và nộp đến cơ quan có thẩm quyền bằng một trong các hình thức: Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp tại cơ quan có thẩm quyền;

- Bước 2: Cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ; tra cứu dữ liệu đăng ký xe trên hệ thống đăng ký, quản lý xe và đối chiếu với thông tin trong hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép hoạt

động đối với phương tiện giao thông thông minh.

+ Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết thì có văn bản trả lời ngay và nêu rõ lý do.

b) Trường hợp cấp lại Giấy phép hoạt động:

- Bước 1: Chủ sở hữu phương tiện hoặc người được ủy quyền nộp Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép hoạt động trong trường hợp giấy phép bị mất hoặc bị hư hỏng.

- Bước 2: Cơ quan có thẩm quyền xem xét hồ sơ.

Trường hợp đủ điều kiện thì cấp lại Giấy phép hoạt động; trường hợp không đủ điều kiện thì có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

c) Trường hợp thu hồi Giấy phép hoạt động:

Chủ sở hữu phương tiện hoặc người được ủy quyền có trách nhiệm nộp lại Giấy phép hoạt động cho cơ quan đã cấp khi thuộc trường hợp phải thu hồi theo quy định.

Cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận và thu hồi Giấy phép hoạt động.

2. Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc nộp qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp tại cơ quan có thẩm quyền;

- Kết quả được trả trực tiếp tại cơ quan giải quyết hoặc qua dịch vụ bưu chính theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Trường hợp cấp Giấy phép hoạt động:

+ Đơn đề nghị cấp Giấy phép hoạt động theo Mẫu số 03a Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 236/2026/NĐ-CP;

+ Chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định;

+ Giấy tờ của chủ sở hữu phương tiện theo quy định.

- Trường hợp cấp lại Giấy phép hoạt động:

+ Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép hoạt động theo Mẫu số 03a Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 236/2026/NĐ-CP;

+ Giấy tờ của chủ sở hữu phương tiện theo quy định.

- Trường hợp thu hồi Giấy phép hoạt động: Giấy phép hoạt động phương tiện giao thông thông minh.

- Trường hợp cơ quan giải quyết thủ tục hành chính khai thác được thông tin trong cơ sở dữ liệu thì không yêu cầu người nộp hồ sơ cung cấp giấy tờ này.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

4. Thời hạn giải quyết:

- Cấp Giấy phép hoạt động: Không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Cấp lại Giấy phép hoạt động: Không quá 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Thu hồi Giấy phép hoạt động: Hoàn thành ngay khi chủ sở hữu phương

tiện nộp lại Giấy phép hoạt động.

5. Đối tượng thực hiện TTHC: Cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài là chủ sở hữu phương tiện giao thông thông minh hoạt động trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

6. Cơ quan giải quyết TTHC: Phòng Cảnh sát giao thông thực hiện cấp, cấp lại, thu hồi Giấy phép hoạt động đối với phương tiện giao thông thông minh.

7. Kết quả thực hiện TTHC: Giấy phép hoạt động phương tiện giao thông thông minh (Mẫu số 03b Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 236/2026/NĐ-CP).

8. Phí, lệ phí: Không.

9. Tên mẫu đơn, tờ khai: Đơn đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép hoạt động đối với phương tiện giao thông thông minh theo Mẫu số 03a Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 236/2026/NĐ-CP.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

a) Điều kiện cấp Giấy phép hoạt động: Phương tiện giao thông thông minh là xe cơ giới cho phép tự động hóa một phần hoặc toàn bộ hoạt động điều khiển phương tiện, xác định lộ trình và xử lý tình huống khi tham gia giao thông đường bộ; đáp ứng các yêu cầu về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định.

b) Điều kiện cấp lại Giấy phép hoạt động: Giấy phép hoạt động bị mất hoặc bị hư hỏng.

c) Các trường hợp thu hồi Giấy phép hoạt động: Giấy phép hoạt động bị thu hồi khi phương tiện thuộc một trong các trường hợp sau:

- Hết niên hạn sử dụng hoặc không được phép lưu hành;
- Hỏng không sử dụng được;
- Bị thải bỏ hoặc bị mất không tìm được;
- Hồ sơ cấp phép bị làm giả hoặc giấy phép được cấp không đúng thẩm quyền.

11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ số 36/2024/QH15 ngày 27/6/2024 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 118/2025/QH15 ngày 10/12/2025.

- Nghị định số 151/2024/NĐ-CP ngày 15/11/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 184/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 và Nghị định số 236/2026/NĐ-CP ngày 26/6/2026.

- Nghị quyết số 22/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ quy định về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công an.

- Thông tư số 62/2026/TT-BCA ngày 18/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công an.

IV. Thủ tục: Cấp, cấp lại giấy phép sử dụng thiết bị phát tín hiệu của xe ưu tiên

1. Trình tự thực hiện:

a) Trường hợp cấp mới Giấy phép sử dụng thiết bị phát tín hiệu của xe ưu tiên:

- Bước 1: Cơ quan, tổ chức chuẩn bị 01 bộ hồ sơ theo quy định và nộp đến cơ quan có thẩm quyền bằng một trong các hình thức: trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc hoặc nộp trực tiếp.

- Bước 2: Cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ

Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền xem xét cấp Giấy phép sử dụng thiết bị phát tín hiệu của xe ưu tiên.

Đối với trường hợp trong tình trạng khẩn cấp theo quy định của pháp luật, cơ quan, tổ chức có thể trao đổi trước với cơ quan có thẩm quyền bằng hình thức phù hợp để được xem xét cấp phép và hoàn thiện hồ sơ theo quy định ngay sau đó.

Trường hợp hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép sử dụng thiết bị phát tín hiệu của xe ưu tiên; trường hợp không đủ điều kiện giải quyết thì có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

b) Trường hợp cấp lại Giấy phép sử dụng thiết bị phát tín hiệu của xe ưu tiên:

- Bước 1: Cơ quan, tổ chức chuẩn bị 01 bộ hồ sơ theo quy định và nộp đến cơ quan có thẩm quyền bằng một trong các hình thức: trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia; qua dịch vụ bưu chính; hoặc nộp trực tiếp.

- Bước 2: Cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ.

Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền xem xét cấp lại Giấy phép sử dụng thiết bị phát tín hiệu của xe ưu tiên.

Trường hợp hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền cấp lại Giấy phép sử dụng thiết bị phát tín hiệu của xe ưu tiên; trường hợp không đủ điều kiện giải quyết thì có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp hồ sơ trực tiếp tại cơ quan có thẩm quyền.

- Nhận kết quả trực tiếp, trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính theo yêu cầu.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị cấp Giấy phép sử dụng thiết bị phát tín hiệu của xe ưu tiên theo Mẫu số 02b Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 236/2026/NĐ-CP.

- Văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ hoặc tài liệu chứng minh cơ quan, tổ chức đủ điều kiện được sử dụng thiết bị phát tín hiệu của xe ưu tiên đối với các trường hợp quy định tại khoản 6, khoản 7 và khoản 8 Điều 18 Nghị định số 151/2024/NĐ-CP.

- Trường hợp cơ quan giải quyết thủ tục hành chính khai thác được thông tin trong cơ sở dữ liệu thì không yêu cầu người nộp hồ sơ cung cấp giấy tờ này.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

4. Thời hạn giải quyết: 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

5. Đối tượng thực hiện TTHC: Cơ quan, tổ chức có nhu cầu cấp mới hoặc

cấp lại Giấy phép sử dụng thiết bị phát tín hiệu của xe ưu tiên theo quy định của pháp luật.

6. Cơ quan giải quyết TTHC:

- Cục Cảnh sát giao thông đối với các đối tượng thuộc bộ, ngành, cơ quan ở trung ương, trừ xe của lực lượng quân sự đi làm nhiệm vụ khẩn cấp.

- Phòng Cảnh sát giao thông đối với các đối tượng thuộc cơ quan, đơn vị, tổ chức tại địa phương, trừ xe của lực lượng quân sự đi làm nhiệm vụ khẩn cấp.

7. Kết quả thực hiện TTHC: Giấy phép sử dụng thiết bị phát tín hiệu của xe ưu tiên theo Mẫu số 02a Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 236/2026/NĐ-CP hoặc văn bản từ chối cấp, cấp lại và nêu rõ lý do.

8. Phí, lệ phí: Không.

9. Tên mẫu đơn, tờ khai: Văn bản đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép sử dụng thiết bị phát tín hiệu của xe ưu tiên theo Mẫu số 02b Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 236/2026/NĐ-CP.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Đối với trường hợp cấp mới: Xe thuộc một trong các trường hợp được phép lắp đặt, sử dụng thiết bị phát tín hiệu của xe ưu tiên theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 151/2024/NĐ-CP.

- Đối với trường hợp cấp lại: Giấy phép sử dụng thiết bị phát tín hiệu của xe ưu tiên đã được cấp nhưng bị mất, bị hư hỏng hoặc hết thời hạn sử dụng.

11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ số 36/2024/QH15 ngày 27/6/2024 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 118/2025/QH15 ngày 10/12/2025.

- Nghị định số 151/2024/NĐ-CP ngày 15/11/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 184/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 và Nghị định số 236/2026/NĐ-CP ngày 26/6/2026.

- Nghị quyết số 22/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công an.

- Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP ngày 07/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy định liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh.

B. LĨNH VỰC SÁT HẠCH, CẤP GIẤY PHÉP LÁI XE

I. Thủ tục: Cấp, cấp lại giấy phép sát hạch cho trung tâm sát hạch lái xe

1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Kê khai hồ sơ

Tổ chức, cá nhân lựa chọn nội dung thực hiện gồm:

+ Cấp giấy phép sát hạch cho trung tâm sát hạch lái xe loại 1, loại 2, hồ sơ gồm:

(1) Văn bản đề nghị cấp giấy phép sát hạch theo *(Mẫu số 01 Phụ lục XV kèm theo Nghị định số 94/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026);*

(2) Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư của cơ quan có thẩm quyền đối với nhà đầu tư trong nước, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài (có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ dưới 51% vốn điều lệ) trừ các dự án không phải phê duyệt chủ trương đầu tư hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài (có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ từ 51% vốn điều lệ trở lên) (bản sao kèm bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc dữ liệu điện tử);

(3) Bản vẽ bố trí mặt bằng tổng thể;

(4) Giấy phép xây dựng (bản sao kèm bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc dữ liệu điện tử) trừ các trường hợp được miễn giấy phép xây dựng theo quy định của pháp luật; hồ sơ thiết kế hình sát hạch, bản kê khai loại xe cơ giới dùng để sát hạch, loại thiết bị chấm điểm tự động.

+ Cấp giấy phép sát hạch cho trung tâm sát hạch lái xe loại 3, hồ sơ gồm:

(1) Văn bản đề nghị cấp giấy phép sát hạch theo *(Mẫu số 01 Phụ lục XV kèm theo Nghị định số 94/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026);*

(2) Giấy phép xây dựng (bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc dữ liệu điện tử);

(3) Bản vẽ bố trí mặt bằng tổng thể, hồ sơ thiết kế kích thước hình sát hạch, loại xe cơ giới dùng để sát hạch.

+ Cấp lại giấy phép sát hạch, hồ sơ gồm: Văn bản đề nghị cấp lại giấy phép sát hạch *(Mẫu số 02 Phụ lục XV Nghị định số 94/NĐ-CP ngày 31/3/2026).*

- Bước 2: Nộp hồ sơ

Trung tâm sát hạch nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc Cổng Dịch vụ công quốc gia đến Phòng Cảnh sát giao thông.

- Bước 3: Tiếp nhận và kiểm tra

Phòng Cảnh sát giao thông: Tiếp nhận hồ sơ; kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ (trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện theo quy định). Trong thời gian không quá 03 ngày làm việc tổ chức kiểm tra, lập biên bản *(theo Mẫu quy định tại Phụ lục XVI kèm theo Nghị định số 94/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026)*.

- Bước 4: Giải quyết hồ sơ

+ Cấp giấy phép sát hạch: Sau khi kiểm tra, nếu trung tâm sát hạch lái xe đáp ứng đủ điều kiện thì Phòng Cảnh sát giao thông cấp Giấy phép sát hạch cho trung tâm sát hạch lái xe *(theo Mẫu quy định tại Phụ lục XIV kèm theo Nghị định số 94/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026)*.

+ Cấp lại giấy phép sát hạch (02 trường hợp):

(1) Trường hợp giấy phép sát hạch được cấp lại khi có sự thay đổi về thiết bị sát hạch, chủng loại, số lượng xe cơ giới sử dụng để sát hạch lái xe: Trong thời gian không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận văn bản đề nghị, Phòng Cảnh sát giao thông tổ chức kiểm tra, lập biên bản và cấp giấy phép sát hạch. Trường

hợp không cấp, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

(2) Trường hợp giấy phép sát hạch được cấp lại khi bị hỏng, mất, thay đổi tên của trung tâm sát hạch lái xe: Trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận văn bản đề nghị, Phòng Cảnh sát giao thông kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ; trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì hướng dẫn trung tâm sát hạch hoàn thiện theo quy định và cấp giấy phép sát hạch.

2. Cách thức thực hiện: Qua dịch vụ bưu chính hoặc Cổng Dịch vụ công quốc gia.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ: Tùy từng trường hợp thực hiện, hồ sơ gồm một hoặc một số giấy tờ sau:

- Văn bản đề nghị cấp giấy phép sát hạch;

- Văn bản đề nghị cấp lại giấy phép sát hạch;

- Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư của cơ quan có thẩm quyền đối với nhà đầu tư trong nước, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài;

- Bản vẽ bố trí mặt bằng tổng thể;

- Giấy phép xây dựng.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

4. Thời hạn giải quyết:

- Cấp giấy phép sát hạch cho trung tâm sát hạch lái xe loại 1, loại 2: 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra hồ sơ; trường hợp không cấp, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày cấp giấy phép sát hạch Phòng Cảnh sát giao thông gửi Cục Cảnh sát giao thông bản sao giấy phép sát hạch đã cấp kèm theo biên bản kiểm tra để theo dõi, quản lý.

- Cấp giấy phép sát hạch cho trung tâm sát hạch lái xe loại 3: Trong thời gian không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Phòng Cảnh sát giao thông kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ; trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì có văn bản hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại theo quy định; trong thời gian không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, tổ chức kiểm tra, lập biên bản và cấp giấy phép sát hạch; trường hợp không cấp, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày cấp giấy phép sát hạch, Phòng Cảnh sát giao thông gửi Cục Cảnh sát giao thông bản sao giấy phép sát hạch đã cấp kèm theo biên bản kiểm tra để theo dõi, quản lý.

- Cấp lại giấy phép sát hạch: Không quá 03 ngày làm việc đối với trường hợp khi có sự thay đổi về thiết bị sát hạch, chủng loại, số lượng xe cơ giới sử dụng để sát hạch lái xe; không quá 01 ngày làm việc đối với trường hợp khi bị hỏng, mất, thay đổi tên của trung tâm sát hạch lái xe; trường hợp không cấp, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày cấp giấy phép sát hạch Phòng Cảnh sát giao thông gửi Cục Cảnh sát giao thông bản sao giấy phép sát hạch đã cấp kèm theo biên bản kiểm tra để theo dõi, quản lý.

5. Đối tượng thực hiện: Tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan giải quyết TTHC: Phòng Cảnh sát giao thông.

7. Kết quả thực hiện TTHC: Giấy phép sát hạch.

8. Phí, lệ phí: Không.

9. Tên mẫu đơn, tờ khai:

- Văn bản đề nghị cấp giấy phép sát hạch *(Mẫu số 01 Phụ lục XV ban hành kèm theo Nghị định số 94/NĐ-CP ngày 31/3/2026).*

- Văn bản đề nghị cấp lại giấy phép sát hạch *(Mẫu số 02 Phụ lục XV ban hành kèm theo Nghị định số 94/NĐ-CP ngày 31/3/2026).*

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại Điều 23, 24 và 25 Nghị định số 94/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ quy định về hoạt động đào tạo và sát hạch lái xe.

11. Căn cứ pháp lý của TTHC: Nghị định số 94/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ quy định về hoạt động đào tạo và sát hạch lái xe.

II. Thủ tục: Chấp thuận, chấp thuận lại hoạt động của sân tập lái để sát hạch lái xe mô tô

1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Kê khai hồ sơ

Tổ chức, cá nhân lựa chọn nội dung thực hiện:

+ Chấp thuận hoạt động của sân tập lái để sát hạch lái xe mô tô, hồ sơ gồm:

(1) Văn bản đề nghị chấp thuận hoạt động của sân tập lái để sát hạch lái xe mô tô *(Mẫu số 01 Phụ lục XVIII Nghị định số 94/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026).*

(2) Bản vẽ bố trí mặt bằng tổng thể, hồ sơ thiết kế kích thước hình sát hạch, loại xe cơ giới dùng để sát hạch.

+ Chấp thuận lại hoạt động của sân tập lái để sát hạch lái xe mô tô, hồ sơ gồm: Văn bản đề nghị chấp thuận lại hoạt động của sân tập lái để sát hạch lái xe mô tô *(Mẫu số 02 Phụ lục XVIII Nghị định số 94/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026)*.

- Bước 2: Nộp hồ sơ TTHC

Tổ chức, cá nhân có sân tập lái gửi văn bản đề nghị chấp thuận, chấp thuận lại hoạt động của sân tập lái để sát hạch lái xe mô tô theo mẫu quy định đến Phòng Cảnh sát giao thông.

- Bước 3: Tiếp nhận và kiểm tra

Phòng Cảnh sát giao thông tiếp nhận văn bản đề nghị chấp thuận, chấp thuận lại hoạt động của sân tập lái để sát hạch lái xe mô tô, kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ (trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện theo quy định). Trong thời gian không quá 03 ngày làm việc đối với trường hợp chấp thuận và 05 ngày làm việc đối với trường hợp chấp thuận lại, tổ chức kiểm tra, lập biên bản *(theo Mẫu quy định tại Phụ lục XVI kèm theo Nghị định số 94/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026)*.

- Bước 4: Giải quyết hồ sơ

+ Chấp thuận hoạt động của sân tập lái để sát hạch lái xe mô tô: Sau khi kiểm tra cơ sở đào tạo có sân tập lái đáp ứng đủ điều kiện thì Phòng Cảnh sát giao thông cấp Quyết định chấp thuận hoạt động của sân tập lái để sát hạch lái xe mô tô *(theo Mẫu quy định tại Phụ lục XVII kèm theo Nghị định số 94/2026/NĐ-CP*

ngày 31/3/2026).

+ Chấp thuận lại hoạt động của sân tập lái để sát hạch lái xe mô tô:

Trường hợp chấp thuận lại hoạt động của sân tập lái để sát hạch lái xe mô tô khi có sự thay đổi về thiết bị sát hạch, chủng loại, số lượng xe mô tô để sát hạch lái xe: Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Phòng Cảnh sát giao thông tổ chức kiểm tra, lập biên bản và chấp thuận lại hoạt động của sân tập lái để sát hạch lái xe mô tô. Trường hợp không cấp, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Trường hợp chấp thuận lại hoạt động của sân tập lái để sát hạch lái xe mô tô khi bị hỏng, mất hoặc thay đổi tên của cơ sở đào tạo có sân tập lái để sát hạch lái xe mô tô: Trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận văn bản đề nghị, Phòng Cảnh sát giao thông kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ; trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại theo quy định; trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Phòng Cảnh sát giao thông có văn bản chấp thuận gửi tổ chức, cá nhân. Trường hợp không cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

2. Cách thức thực hiện: Nộp qua dịch vụ bưu chính hoặc Cổng Dịch vụ công quốc gia.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Chấp thuận hoạt động của sân tập lái để sát hạch lái xe mô tô: Văn bản đề nghị chấp thuận hoạt động của sân tập lái để sát hạch lái xe mô tô theo mẫu; bản vẽ bố trí mặt bằng tổng thể, hồ sơ thiết kế kích thước hình sát hạch, loại xe cơ giới dùng để sát hạch.

- Chấp thuận lại hoạt động của sân tập lái để sát hạch lái xe mô tô: Văn bản đề nghị chấp thuận lại hoạt động của sân tập lái để sát hạch lái xe mô tô theo mẫu.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

4. Thời hạn giải quyết:

- Chấp thuận hoạt động của sân tập lái để sát hạch lái xe mô tô: Trong thời gian không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Phòng Cảnh sát giao thông kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ; trường hợp chưa đầy đủ, thì hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại theo quy định; trong thời gian không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, tổ chức kiểm tra sân tập lái, lập biên bản và ban hành quyết định chấp thuận hoạt động của sân tập lái để sát hạch lái xe mô tô đủ điều kiện hoạt động; trường hợp không cấp, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ban hành quyết định chấp thuận hoạt động của sân tập lái để sát hạch lái xe mô tô đủ điều kiện hoạt động, Phòng Cảnh sát giao thông gửi Cục Cảnh sát giao thông bản sao quyết định để theo dõi, quản lý.

- Chấp thuận lại hoạt động của sân tập lái để sát hạch lái xe mô tô: 05 ngày làm việc đối với trường hợp chấp thuận lại hoạt động của sân tập lái để sát hạch lái xe mô tô khi có sự thay đổi về thiết bị sát hạch, chủng loại, số lượng xe mô tô để sát hạch lái xe làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra hồ sơ; không quá 01 ngày làm việc đối với trường hợp chấp thuận lại hoạt động của sân tập lái để sát hạch

lái xe mô tô khi bị hỏng, mất hoặc thay đổi tên của cơ sở đào tạo có sân tập lái để sát hạch lái xe mô tô làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra hồ sơ *(trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ không quá 02 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra hồ sơ)*. Trường hợp không cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ban hành quyết định chấp thuận, chấp thuận lại hoạt động của sân tập lái để sát hạch lái xe mô tô, Phòng Cảnh sát giao thông gửi Cục Cảnh sát giao thông bản sao quyết định để theo dõi, quản lý.

5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện TTHC: Phòng Cảnh sát giao thông.

7. Kết quả của việc thực hiện TTHC: Quyết định chấp thuận hoạt động của sân tập lái để sát hạch lái xe mô tô.

8. Phí, lệ phí: Không.

9. Tên mẫu đơn, tờ khai:

- Văn bản đề nghị chấp thuận hoạt động của sân tập lái để sát hạch lái xe mô tô *(theo Mẫu số 01 Phụ lục XVIII Nghị định số 94/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026)*.

- Văn bản đề nghị chấp thuận lại hoạt động của sân tập lái để sát hạch lái xe mô tô *(theo Mẫu số 02 Phụ lục XVIII Nghị định số 94/NĐ-CP ngày 31/3/2026)*.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Quy định tại Điều 31 của Nghị định số 94/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ quy định về hoạt động đào tạo và sát hạch lái xe.

11. Căn cứ pháp lý của TTHC: Nghị định số 94/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ quy định về hoạt động đào tạo và sát hạch lái xe.

III. Thủ tục: Thu hồi giấy phép sát hạch; thu hồi chấp thuận hoạt động của sân tập lái để sát hạch lái xe mô tô

1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Kê soát hồ sơ

+ Giấy phép sát hạch;

+ Quyết định chấp thuận hoạt động của sân tập lái để sát hạch lái xe mô tô.

- Bước 2: Nộp hồ sơ

Trung tâm sát hạch; tổ chức, cá nhân có sân tập lái nộp lại giấy phép sát hạch hoặc Quyết định chấp thuận hoạt động của sân tập lái để sát hạch lái xe mô tô đã được cấp, khi không hoạt động sát hạch lái xe sau thời gian 24 tháng, giải thể hoặc có quyết định thu hồi giấy phép sát hạch; quyết định thu hồi hoạt động của sân tập lái để sát hạch lái xe mô tô.

- Bước 3: Giải quyết TTHC

Trong thời gian không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày phát hiện hành vi vi phạm theo quy định; trung tâm sát hạch, cơ sở đào tạo có sân sát hạch thông báo giải thể hoạt động sát hạch hoặc không triển khai hoạt động sát hạch lái xe sau thời hạn 24 tháng. Phòng Cảnh sát giao thông ban hành quyết định thu hồi giấy phép sát hạch; thu hồi quyết định chấp thuận hoạt động của sân tập lái để sát hạch lái xe mô tô và công bố trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, đồng thời cập

nhật hết hiệu lực đối với giấy phép sát hạch và quyết định chấp thuận hoạt động của sân tập lái để sát hạch lái xe mô tô cấp bằng hình thức điện tử; trung tâm sát hạch phải nộp lại giấy phép sát hạch; cơ sở đào tạo được chấp thuận hoạt động của sân tập lái để sát hạch lái xe mô tô phải nộp lại quyết định chấp thuận hoạt động của sân tập lái để sát hạch lái xe mô tô cho Phòng Cảnh sát giao thông và dừng toàn bộ hoạt động sát hạch lái xe ngay sau khi quyết định thu hồi có hiệu lực.

2. Cách thức thực hiện: Qua công tác kiểm tra phát hiện vi phạm hoặc tổ chức, cá nhân báo cáo về việc giải thể hoạt động sát hạch.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Giấy phép sát hạch *(đối với trung tâm sát hạch)*;

- Quyết định chấp thuận hoạt động của sân tập lái để sát hạch lái xe mô tô *(đối với cơ sở đào tạo được chấp thuận hoạt động của sân tập lái để sát hạch lái xe mô tô).*

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

4. Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc kể từ ngày phát hiện hành vi vi phạm hoặc giải thể hoạt động sát hạch hoặc không triển khai hoạt động sát hạch lái xe sau thời gian 24 tháng.

5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện TTHC: Phòng Cảnh sát giao thông.

7. Kết quả của việc thực hiện TTHC: Quyết định thu hồi giấy phép sát hạch; quyết định thu hồi chấp thuận hoạt động của sân tập lái để sát hạch lái xe mô tô.

8. Phí, lệ phí: Không.

9. Tên mẫu đơn, tờ khai: Không.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 30 và tại khoản 1 Điều 35 Nghị định số 94/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ quy định về hoạt động đào tạo và sát hạch lái xe.

11. Căn cứ pháp lý của TTHC: Nghị định số 94/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ quy định về hoạt động đào tạo và sát hạch lái xe.

IV. Thủ tục : Đổi, cấp lại Giấy phép lái xe

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Cá nhân gửi trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) hoặc các ứng dụng của lực lượng Công an nhân dân. Trường hợp người dân chưa có định danh mức độ 2 hoặc chưa có dữ liệu giấy phép lái xe trong hệ thống thông tin giấy phép lái xe hoặc do lỗi hệ thống Cổng Dịch vụ công quốc gia thì nộp hồ sơ trực tiếp tại Công an cấp xã nơi bố trí điểm tiếp nhận hoặc Phòng Cảnh sát giao thông.

b) Giải quyết TTHC:

- Phòng Cảnh sát giao thông hoặc Công an cấp xã kiểm tra hồ sơ, tra cứu

thông tin về giấy phép lái xe từ hệ thống thông tin giấy phép lái xe, trường hợp chưa có thông tin phải xác minh theo Mẫu số 01 Phụ lục X ban hành kèm theo Thông tư số 108/2026/TT-BCA ngày 29/6/2026; tra cứu vi phạm của người lái xe, thực hiện nhập thông tin điện tử; in phiếu hẹn trả kết quả.

- Trường hợp giấy phép lái xe không thuộc đối tượng được đổi thì phải thông báo về việc không tiếp nhận hồ sơ; trường hợp hồ sơ không đúng theo quy định thì hướng dẫn những nội dung cần bổ sung hoặc sửa đổi cho cá nhân trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ.

- Phòng Cảnh sát giao thông chuyển dữ liệu đến Cục Cảnh sát giao thông để quản lý tập trung và cấp giấy phép lái xe, tích hợp giấy phép lái xe trên ứng dụng định danh Quốc gia (VNeID) hoặc các ứng dụng của lực lượng Công an nhân dân theo quy định trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp người dân có nhu cầu, Cục Cảnh sát giao thông hoặc Phòng Cảnh sát giao thông tổ chức in và trả giấy phép lái xe.

- Trường hợp người lái xe có nhu cầu đổi giấy phép lái xe xuống hạng thấp hơn, phải đăng ký với cơ quan tiếp nhận hồ sơ.

2. Cách thức thực hiện: Gửi hồ sơ trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc ứng dụng định danh Quốc gia (VNeID) hoặc các ứng dụng của lực lượng Công an nhân dân; Trường hợp người dân chưa có định danh mức độ 2 hoặc chưa có dữ liệu giấy phép lái xe trong hệ thống thông tin giấy phép lái xe hoặc do lỗi hệ thống Cổng Dịch vụ công quốc gia thì nộp hồ sơ trực tiếp tại Công an cấp xã nơi bố trí điểm tiếp nhận hoặc Phòng Cảnh sát giao thông.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Giấy khám sức khỏe của người lái xe còn hiệu lực (bản điện tử), trường hợp do lỗi kỹ thuật không sử dụng được bản điện tử thì sử dụng bản giấy do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đủ tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh cấp;

- Hộ chiếu còn thời hạn sử dụng (đối với người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài);

- Các giấy tờ khác thể hiện thông tin để đối chiếu nếu thuộc trường hợp ngày, tháng, năm sinh, họ, tên, tên đệm, quốc tịch ghi trên giấy phép lái xe có sai lệch với căn cước công dân, căn cước hoặc hộ chiếu thì cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục đổi giấy phép lái xe mới phù hợp với thông tin ghi trong căn cước công dân, căn cước hoặc hộ chiếu.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

4. Thời hạn giải quyết: 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; in, trả giấy phép lái xe trong thời hạn 2,5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ khi người dân có nhu cầu.

5. Đối tượng thực hiện TTHC: Cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền đổi, cấp lại giấy phép lái xe: Phòng Cảnh sát giao thông;

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

- Cơ quan tiếp nhận hồ sơ và trả giấy phép lái xe: Phòng Cảnh sát giao thông hoặc Công an cấp xã nơi được bố trí điểm tiếp nhận;

- Cơ quan phối hợp: Không có.

7. Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy phép lái xe.

8. Phí, lệ phí: 115.000 đồng.

9. Tên mẫu đơn, tờ khai: Không.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Người có giấy phép lái xe còn thời hạn sử dụng mà bị mất;

- Người có giấy phép lái xe bị hỏng không còn sử dụng được;

- Người Việt Nam, người nước ngoài đã có giấy phép lái xe do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp trước khi hết hạn nếu có nhu cầu được đổi giấy phép lái xe;

- Trường hợp ngày, tháng, năm sinh, họ, tên, tên đệm, quốc tịch ghi trên giấy phép lái xe có sai lệch với căn cước công dân, căn cước hoặc hộ chiếu thì cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục đổi giấy phép lái xe mới phù hợp với thông tin ghi trong căn cước công dân, căn cước hoặc hộ chiếu;

- Người có nhu cầu tích hợp giấy phép lái xe không thời hạn với giấy phép lái xe có thời hạn;

- Không đổi, cấp lại giấy phép lái xe đối với các trường hợp sau: thông tin giấy phép lái xe không có trong hệ thống thông tin giấy phép lái xe của Cục Cảnh sát giao thông hoặc không có bảng kê danh sách cấp giấy phép lái xe (sổ quản lý) và không còn giấy phép lái xe đã được cấp (đối với trường hợp đổi giấy phép lái xe); người vi phạm trật tự, an toàn giao thông đường bộ chưa thực hiện xong yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về giải quyết, xử lý vụ việc vi phạm hành chính trong lĩnh vực trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Thông tư số 108/2026/TT-BCA ngày 29/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về sát hạch, cấp giấy phép lái xe; cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế.

- Thông tư số 154/2025/TT-BTC ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp phí sát hạch lái xe, lệ phí cấp bằng, chứng chỉ được hoạt động trên các loại phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng.

V. Thủ tục: Đổi giấy phép lái xe quân sự, Công an

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Cá nhân gửi hồ sơ trực tiếp tại Phòng Cảnh sát giao thông hoặc Công an cấp xã nơi được bố trí điểm tiếp nhận hồ sơ;

- Cá nhân chụp ảnh trực tiếp hoặc sử dụng ảnh tại dữ liệu căn cước hoặc gửi ảnh chân dung, nền trắng, kích thước 3cmx4cm tại nơi tiếp nhận hồ sơ; xuất trình bản sao giấy tờ chứng minh không còn phục vụ trong lực lượng Quân đội

nhân dân (đối với trường hợp đổi giấy phép lái xe quân sự do Bộ quốc phòng cấp), bản sao giấy chứng minh không còn phục vụ trong lực lượng Công an nhân dân hoặc công văn đề nghị đổi giấy phép lái xe trong Công an nhân dân của đơn vị để phục vụ yêu cầu công tác và hoàn thành nghĩa vụ nộp lệ phí khi được tiếp nhận hồ sơ.

b) Giải quyết TTHC:

- Đối với giấy phép lái xe quân sự do Bộ Quốc phòng cấp, Phòng Cảnh sát giao thông hoặc Công an cấp xã nơi bố trí điểm tiếp nhận kiểm tra hồ sơ, thực hiện nhập thông tin điện tử; in phiếu hẹn trả kết quả, trường hợp phát hiện có nghi vấn, Phòng Cảnh sát giao thông có văn bản đề nghị đơn vị chức năng thuộc Bộ Quốc phòng xác minh giấy phép lái xe đã cấp theo mẫu số 01 Phụ lục X ban hành kèm theo Thông tư số 108/2026/TT-BCA ngày 29/6/2026, khi chưa có kết quả xác minh giấy phép lái xe hoặc có kết quả xác minh giấy phép lái xe không do Bộ Quốc phòng cấp thì không đổi giấy phép lái xe. Đối với giấy phép lái xe trong Công an nhân dân Phòng Cảnh sát giao thông hoặc Công an cấp xã kiểm tra hồ sơ, tra cứu thông tin về giấy phép lái xe từ hệ thống thông tin giấy phép lái xe trong Công an nhân dân, trường hợp chưa có thông tin phải xác minh theo mẫu số 01 Phụ lục X ban hành kèm theo Thông tư số 108/2026/TT-BCA ngày 29/6/2026; tra cứu vi phạm của người lái xe, thực hiện nhập thông tin điện tử; in phiếu hẹn trả kết quả.

- Trường hợp giấy phép lái xe không thuộc đối tượng được đổi thì phải thông báo về việc không tiếp nhận hồ sơ; trường hợp hồ sơ không đúng theo quy định thì hướng dẫn những nội dung cần bổ sung hoặc sửa đổi cho cá nhân trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ.

- Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận đủ hồ sơ Phòng Cảnh sát giao thông chuyển dữ liệu đến Cục Cảnh sát giao thông để quản lý tập trung và cấp giấy phép lái xe, tích hợp giấy phép lái xe trên Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) hoặc các ứng dụng của lực lượng Công an nhân dân theo quy định, trong thời hạn 2,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ Cục Cảnh sát giao thông hoặc phòng Cảnh sát giao thông tổ chức in và trả giấy phép lái xe khi người dân có yêu cầu.

2. Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Bản sao giấy tờ chứng minh thôi không còn phục vụ trong lực lượng Quân đội nhân dân (trường hợp đổi giấy phép lái xe quân sự do Bộ Quốc phòng cấp), bản sao giấy tờ chứng minh thôi không còn phục vụ trong lực lượng Công an nhân dân hoặc công văn đề nghị đổi giấy phép lái xe trong Công an nhân dân của đơn vị để phục vụ yêu cầu công tác.

- Giấy phép lái xe quân sự còn thời hạn sử dụng hoặc xác nhận của cơ quan có thẩm quyền của Bộ Quốc phòng về việc đã được cấp giấy phép lái xe quân sự, tình trạng còn thời hạn sử dụng (đối với trường hợp đổi giấy phép lái xe quân sự do Bộ Quốc phòng cấp). Giấy phép lái xe trong trường hợp không có trong cơ sở dữ liệu quản lý giấy phép lái xe trong Công an nhân dân hoặc sổ quản lý giấy phép

lái xe; bản cam kết trong trường hợp giấy phép lái xe bị mất, còn hồ sơ gốc (đối với trường hợp đổi giấy phép lái xe trong Công an nhân dân).

- Giấy khám sức khỏe của người lái xe còn hiệu lực (bản điện tử), trường hợp do lỗi kỹ thuật không sử dụng được bản điện tử thì sử dụng bản giấy do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đủ tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh cấp.

4. Thời hạn giải quyết: 2,5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định (bao gồm xác tích hợp giấy phép lái xe trên Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) và in, trả giấy phép lái xe khi người dân có yêu cầu).

5. Đối tượng thực hiện TTHC: Cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép lái xe: Phòng Cảnh sát giao thông.

- Cơ quan tiếp nhận hồ sơ và trả giấy phép lái xe: Phòng Cảnh sát giao thông hoặc Công an cấp xã nơi được bố trí điểm tiếp nhận hồ sơ.

- Cơ quan phối hợp: Không có.

7. Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy phép lái xe.

8. Phí, lệ phí: 115.000 đồng.

9. Tên mẫu đơn, tờ khai: Không.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Yêu cầu đối với việc đổi giấy phép lái xe do Bộ Quốc phòng cấp khi thôi phục vụ trong Quân đội: Người có giấy phép lái xe quân sự do Bộ Quốc phòng cấp còn thời hạn sử dụng có nhu cầu được đổi giấy phép lái xe, giấy phép lái xe quân sự có hiệu lực được phép lái nhiều hạng xe khác nhau, được đổi sang giấy phép lái xe có hiệu lực lái các hạng xe tương ứng, giấy phép lái xe quân sự hạng CX được đổi sang giấy phép lái xe hạng C.

- Yêu cầu đối với việc đổi giấy phép lái xe trong Công an nhân dân khi thôi không còn phục vụ trong lực lượng Công an: Người có giấy phép lái xe còn thời hạn sử dụng bị mất, bị hỏng nhưng vẫn còn thời hạn sử dụng, có thông tin trong hệ thống thông tin giấy phép lái xe tại Cục Cảnh sát giao thông hoặc bảng kê danh sách cấp giấy phép lái xe (sổ quản lý) có nhu cầu được đổi giấy phép lái xe; Người có giấy phép lái xe mô tô bằng vật liệu giấy, không bị tẩy xóa, có đủ thông tin trong giấy phép lái xe có nhu cầu được đổi giấy phép lái xe.

- Không đổi giấy phép lái xe quân sự, giấy phép lái xe trong Công an nhân dân bị tẩy xóa thông tin; người vi phạm trật tự, an toàn giao thông đường bộ chưa thực hiện xong yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về giải quyết, xử lý vụ việc vi phạm hành chính trong lĩnh vực trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Thông tư số 108/2026/TT-BCA ngày 29/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về sát hạch, cấp giấy phép lái xe; cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế.

- Thông tư số 154/2025/TT-BTC ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp phí sát hạch lái xe, lệ phí cấp bằng, chứng chỉ được hoạt động trên các loại phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng.

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LĨNH VỰC SÁT HẠCH, CẤP GIẤY PHÉP LÁI XE

I. Thủ tục: Cấp Giấy phép lái xe

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Đối với người dự sát hạch nộp qua cơ sở đào tạo lái xe: Cơ sở đào tạo lái xe nộp báo cáo đề nghị sát hạch kèm theo danh sách thí sinh đề nghị sát hạch cấp giấy phép lái xe gửi đến Phòng Cảnh sát giao thông trước kỳ sát hạch ít nhất 07 ngày làm việc.

- Cá nhân đề nghị sát hạch gửi trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc qua Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) hoặc các ứng dụng của lực lượng Công an nhân dân theo quy định; trường hợp hệ thống, các ứng dụng bị lỗi hoặc cơ sở hạ tầng chưa đáp ứng gửi trực tiếp đến Phòng Cảnh sát giao thông trước kỳ sát hạch lái xe ít nhất 07 ngày làm việc.

b) Giải quyết TTHC:

- Căn cứ kết quả kỳ sát hạch, Cục Cảnh sát giao thông cấp giấy phép lái xe điện tử cho người đạt kết quả kỳ sát hạch lái xe.

- Thời gian cấp giấy phép lái xe: Giấy phép lái xe điện tử được cấp và tích hợp vào hệ thống dữ liệu điện tử trong thời hạn 02 giờ kể từ thời điểm kết thúc kỳ sát hạch lái xe, trong thời hạn 3,5 ngày làm việc Cục Cảnh sát giao thông, Phòng Cảnh sát giao thông in, trả giấy phép lái xe chất liệu PET (khi người dân có yêu cầu).

2. Cách thức thực hiện: Nộp trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc qua Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) hoặc các ứng dụng của lực lượng Công an nhân dân theo quy định; trường hợp hệ thống, các ứng dụng bị lỗi hoặc cơ sở hạ tầng chưa đáp ứng gửi trực tiếp đến Phòng Cảnh sát giao thông.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Hồ sơ đề nghị sát hạch của cơ sở đào tạo lái xe 01 bộ, gồm: Báo cáo đề nghị tổ chức sát hạch theo Mẫu 02 Phụ lục VII kèm theo danh sách thí sinh đề nghị sát hạch để cấp giấy phép lái xe theo mẫu 03 Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư số 108/2026/TT-BCA ngày 29/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Công an và hồ sơ đề nghị sát hạch của cá nhân theo quy định.

- Hồ sơ đề nghị sát hạch của cá nhân 01 bộ, gồm:

+ Chứng chỉ sơ cấp hoặc chứng chỉ đào tạo hoặc giấy xác nhận hoàn thành khóa đào tạo đối với thí sinh dự sát hạch lái xe hạng A1, A, B1, B, C1, C, D1, D2, D, BE, C1E, CE, D1E, D2E, DE.

+ Giấy khám sức khỏe của người lái xe còn hiệu lực (bản điện tử), trường hợp hệ thống bị lỗi thì sử dụng bản giấy do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đủ tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh cấp.

+ Bản sao hoặc bản sao điện tử một trong các giấy tờ sau: chứng minh thư ngoại giao, chứng minh thư công vụ, thị thực hoặc thẻ tạm trú còn thời hạn từ 90

ngày trở lên, thẻ thường trú còn giá trị (đối với người nước ngoài). Trường hợp cá nhân thực hiện thủ tục nộp bản sao thì phải xuất trình bản chính để đối chiếu; trường hợp cá nhân nộp bản sao có giá trị sử dụng thay bản chính theo quy định của pháp luật về chứng thực thì không phải xuất trình bản chính.

+ Biên bản tổng hợp kết quả sát hạch của các kỳ sát hạch trước đối với trường hợp người không đạt kết quả sát hạch, có nhu cầu đăng ký sát hạch lại.

- Hồ sơ đề nghị sát hạch cấp giấy phép lái xe đối với trường hợp giấy phép lái xe quá thời hạn sử dụng bổ sung gồm: Bản sao giấy phép lái xe, trường hợp giấy phép lái xe bị mất thì cung cấp thông tin về giấy phép lái xe; Bản sao hoặc bản sao điện tử một trong các giấy tờ: chứng minh thư ngoại giao, chứng minh thư công vụ, thị thực hoặc thẻ tạm trú còn thời hạn từ 90 ngày trở lên, thẻ thường trú còn giá trị (đối với người nước ngoài). Trường hợp cá nhân thực hiện thủ tục nộp bản sao, bản điện tử không có chứng thực thì phải xuất trình bản chính để đối chiếu; trường hợp cá nhân nộp bản sao, bản điện tử có giá trị sử dụng thay bản chính theo quy định của pháp luật về chứng thực thì không phải xuất trình bản chính; Giấy phép lái xe quân sự do Bộ Quốc phòng cấp hoặc xác nhận của cơ quan đã cấp đối với trường hợp mất giấy phép lái xe (đối với giấy phép lái xe quân sự do Bộ Quốc phòng cấp); Giấy khám sức khỏe của người lái xe còn hiệu lực (bản điện tử), trường hợp hệ thống bị lỗi thì sử dụng bản giấy do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đủ tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh cấp; Bản sao giấy tờ chứng minh thôi không còn phục vụ trong lực lượng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân (đối với trường hợp giấy phép lái xe quân sự do Bộ Quốc phòng cấp, giấy phép lái xe trong Công an nhân dân).

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

4. Thời hạn giải quyết: 3,5 ngày làm việc đối với giấy phép lái xe bằng chất liệu PET và 02 giờ đối với giấy phép lái xe điện tử kể từ thời điểm kết thúc kỳ sát hạch lái xe và người đạt kết quả kỳ sát hạch đã hoàn thành nghĩa vụ nộp lệ phí cấp giấy phép lái xe.

5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép lái xe: Phòng Cảnh sát giao thông.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có.

- Cơ quan tiếp nhận hồ sơ và trả giấy phép lái xe: Phòng Cảnh sát giao thông.

- Cơ quan phối hợp: Không có.

7. Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy phép lái xe.

8. Phí, lệ phí:

- Phí sát hạch lái xe:

+ Đối với thi sát hạch lái xe các hạng xe A1, A, B1: Sát hạch lý thuyết: 60.000 đồng/lần, Sát hạch thực hành: 70.000 đồng/lần.

+ Đối với thi sát hạch lái xe ô tô (hạng xe B, C1, C, D1, D2, D, BE, CE, C1E, D1E, D2E, DE): Sát hạch lý thuyết: 100.000 đồng/lần, Sát hạch thực hành trong hình: 350.000 đồng/lần, Sát hạch thực hành trên đường giao thông: 80.000

đồng/lần.

- Lệ phí cấp giấy phép lái xe: 115.000 đồng.

9. Tên mẫu đơn, tờ khai: Báo cáo đề nghị tổ chức sát hạch theo Mẫu 02 Phụ lục VII kèm theo danh sách thí sinh đề nghị sát hạch để cấp giấy phép lái xe theo Mẫu 03 Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư số 108/2026/TT-BCA ngày 29/6/2026.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Là công dân Việt Nam, người nước ngoài được phép cư trú hoặc đang làm việc, học tập tại Việt Nam.

- Đủ tuổi (tính đến ngày dự sát hạch lái xe), sức khỏe theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 59 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

- Được cơ đào tạo lái xe xác nhận hoàn thành khóa đào tạo lái xe hoặc được cấp chứng chỉ sơ cấp hoặc giấy xác nhận hoàn thành chương trình đào tạo theo đúng quy định.

- Người có giấy phép lái xe ô tô các hạng quá thời hạn sử dụng; mất giấy phép lái xe và giấy phép lái xe ô tô đó quá thời hạn sử dụng kể cả giấy phép lái xe quân sự do Bộ Quốc phòng cấp, giấy phép lái xe trong Công an nhân dân khi thôi không còn làm nhiệm vụ quốc phòng, an ninh. Người có giấy phép lái xe thuộc các trường hợp này phải có tên trong hệ thống thông tin giấy phép lái xe tại Cục Cảnh sát giao thông hoặc bảng kê danh sách cấp giấy phép lái xe (sổ quản lý), giấy phép lái xe quân sự do Bộ Quốc phòng cấp bị mất thì phải có xác nhận của cơ quan đã cấp.

+ Trường hợp giấy phép lái xe quá hạn từ đủ 30 ngày đến dưới 01 năm kể từ ngày hết hạn thì phải sát hạch lại lý thuyết để cấp giấy phép lái xe.

+ Trường hợp giấy phép lái xe quá hạn từ đủ 01 năm trở lên kể từ ngày hết hạn thì phải sát hạch lại lý thuyết, thực hành lái xe trong hình và trên đường để cấp giấy phép lái xe theo quy định.

11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Thông tư số 108/2026/TT-BCA ngày 29/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về sát hạch, cấp giấy phép lái xe; cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế.

- Thông tư số 154/2025/TT-BTC ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp phí sát hạch lái xe, lệ phí cấp bằng, chứng chỉ được hoạt động trên các loại phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng.

II. Thủ tục: Đổi giấy phép lái xe của nước ngoài

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Cá nhân gửi hồ sơ trực tiếp đến Phòng Cảnh sát giao thông, Công an cấp xã nơi được bố trí điểm tiếp nhận hoặc Cổng Dịch vụ công quốc gia.

- Cá nhân chụp ảnh trực tiếp hoặc sử dụng ảnh tại dữ liệu căn cước hoặc gửi ảnh chân dung tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ.

b) Giải quyết TTHC:

Đối với hồ sơ nộp trực tiếp cá nhân chụp ảnh trực tiếp hoặc sử dụng ảnh tại dữ liệu căn cước hoặc gửi ảnh chân dung, nền trắng, kích thước 3cmx4cm tại nơi tiếp nhận hồ sơ và phải xuất trình bản chính của hồ sơ (trừ các bản chính đã gửi) để đối chiếu và phải hoàn thành nghĩa vụ nộp lệ phí theo quy định.

Đối với hồ sơ nộp trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia, sử dụng ảnh tại dữ liệu căn cước hoặc cá nhân tự cập nhật ảnh, cá nhân kê khai theo hướng dẫn, phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, tính hợp pháp của nội dung đã kê khai và phải hoàn thành nghĩa vụ nộp lệ phí đổi giấy phép lái xe thông qua chức năng thanh toán của Cổng Dịch vụ công quốc gia theo quy định và nộp phí sử dụng dịch vụ khác theo nhu cầu của cá nhân.

Trường hợp phát hiện có nghi vấn về việc nhập cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam và việc đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe tại nước ngoài cơ quan đổi giấy phép lái xe có văn bản đề nghị Bộ Ngoại giao, Cục Quản lý xuất nhập cảnh, Phòng Quản lý xuất nhập cảnh thuộc Công an cấp tỉnh xác minh.

Trường hợp hồ sơ giấy phép lái xe hợp lệ, Phòng Cảnh sát giao thông hoặc Công an cấp xã nơi được bố trí điểm tiếp nhận nhập thông tin điện tử, in phiếu hẹn trả kết quả; trường hợp không đổi giấy phép lái xe thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Phòng Cảnh sát giao thông chuyển dữ liệu đến Cục Cảnh sát giao thông để quản lý tập trung và cấp giấy phép lái xe, giấy phép lái xe điện tử được tích hợp trên Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) hoặc các ứng dụng của lực lượng Công an nhân dân trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Cục Cảnh sát giao thông hoặc Phòng Cảnh sát giao thông tổ chức in và trả giấy phép lái xe trong thời hạn 2,5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ khi người dân có yêu cầu.

2. Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp hoặc qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Bản dịch giấy phép lái xe nước ngoài ra tiếng Việt được bảo chứng chất lượng dịch thuật của cơ quan Công chứng tại Việt Nam hoặc bản dịch của cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài mà người dịch làm việc, đóng dấu giáp lai với bản sao giấy phép lái xe.

- Giấy khám sức khỏe của người lái xe còn hiệu lực (bản điện tử), trường hợp do lỗi kỹ thuật không sử dụng được bản điện tử thì sử dụng bản giấy do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đủ tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh cấp (trừ người nước ngoài đổi giấy phép lái xe theo thời hạn ghi trong thị thực nhập cảnh hoặc thẻ tạm trú).

- Bản sao hoặc bản sao điện tử một trong các giấy tờ sau: chứng minh thư ngoại giao, giấy chứng minh thư công vụ, thị thực hoặc thẻ tạm trú còn thời hạn từ 90 ngày trở lên, thẻ thường trú còn giá trị (đối với người nước ngoài). Trường hợp cá nhân thực hiện thủ tục nộp bản sao, bản sao điện tử không có chứng thực thì phải xuất trình bản chính để đối chiếu; trường hợp cá nhân nộp bản sao, bản sao điện tử có giá trị sử dụng thay bản chính theo quy định của pháp luật về chứng thực thì không phải xuất trình bản chính.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

4. Thời hạn giải quyết: 2,5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (bao gồm: tích hợp trên ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) hoặc các ứng dụng của lực lượng Công an nhân dân 01 ngày làm việc; khi người dân có nhu cầu in, trả giấy phép lái xe trong thời hạn không quá 2,5 ngày làm việc).

5. Đối tượng thực hiện TTHC: Cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép lái xe: Phòng Cảnh sát giao thông.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có.

- Cơ quan tiếp nhận hồ sơ và trả giấy phép lái xe: Phòng Cảnh sát giao thông hoặc Công an cấp xã nơi được bố trí điểm tiếp nhận.

- Cơ quan phối hợp: Không có.

7. Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy phép lái xe.

8. Phí, lệ phí: 115.000 đồng/lần.

9. Tên mẫu đơn, tờ khai: Không.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Người nước ngoài cư trú, làm việc, học tập tại Việt Nam có giấy phép lái xe quốc gia còn thời hạn sử dụng và có một trong các giấy tờ sau: giấy chứng minh thư ngoại giao, giấy chứng minh thư công vụ, thị thực hoặc thẻ tạm trú còn thời hạn từ 90 ngày trở lên, thẻ thường trú còn giá trị nếu có nhu cầu lái xe ở Việt Nam được xét đổi sang hạng giấy phép lái xe tương ứng của Việt Nam phù hợp với thời hạn giấy phép lái xe, thị thực, thẻ tạm trú hoặc thẻ thường trú được cấp.

- Người Việt Nam (mang quốc tịch Việt Nam) trong thời gian cư trú, học tập, làm việc ở nước ngoài liên tục từ 03 tháng trở lên được cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp giấy phép lái xe quốc gia, còn thời hạn sử dụng, nếu có nhu cầu lái xe tại Việt Nam được xét đổi sang hạng giấy phép lái xe tương ứng của Việt Nam.

Không đổi giấy phép lái xe tạm thời của nước ngoài; giấy phép lái xe quốc tế; giấy phép lái xe của nước ngoài quá thời hạn sử dụng, bị tẩy xóa, rách nát không còn đủ thông tin để đổi giấy phép lái xe hoặc có sự khác biệt về nhận diện; giấy phép lái xe nước ngoài không do cơ quan có thẩm quyền cấp.

11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Thông tư số 108/2026/TT-BCA ngày 29/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về sát hạch, cấp giấy phép lái xe; cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế.

- Thông tư số 154/2025/TT-BTC ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp phí sát hạch lái xe, lệ phí cấp bằng, chứng chỉ được hoạt động trên các loại phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng.

III. Thủ tục: Thu hồi Giấy phép lái xe

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Đối với giấy phép lái xe đã có trên hệ thống dữ liệu điện tử: Huỷ bỏ việc tích hợp giấy phép lái xe điện tử trên ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) hoặc các ứng dụng của lực lượng Công an nhân dân.

- Đối với giấy phép lái xe không có trên hệ thống dữ liệu điện tử: Cá nhân nộp lại giấy phép lái xe theo quyết định thu hồi giấy phép lái xe.

b) Giải quyết TTHC:

- Đối với giấy phép lái xe đã có trên hệ thống dữ liệu điện tử, trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày phát hiện người có giấy phép lái xe thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 62 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 118/2025/QH15, Cục trưởng Cục Cảnh sát giao thông ra quyết định thu hồi để hủy bỏ giấy phép lái xe (nội dung của quyết định nêu rõ lý do thu hồi và hủy bỏ) và hủy bỏ việc tích hợp giấy phép lái xe điện tử trên Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) hoặc các ứng dụng của lực lượng Công an nhân dân theo quy định; cá nhân không phải nộp lại giấy phép lái xe.

- Đối với giấy phép lái xe không có trên hệ thống dữ liệu điện tử, trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày phát hiện người có giấy phép lái xe thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 62 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 118/2025/QH15, Trưởng phòng Cảnh sát giao thông ra quyết định thu hồi để hủy bỏ giấy phép lái xe (nội dung của quyết định nêu rõ lý do thu hồi và hủy bỏ). Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định thu hồi giấy phép lái xe, cá nhân phải nộp giấy phép lái xe bị thu hồi đến Phòng Cảnh sát giao thông. Phòng Cảnh sát giao thông có trách nhiệm tiếp nhận giấy phép lái xe bị thu hồi, hủy bỏ theo quy định và báo cáo Cục Cảnh sát giao thông.

2. Cách thức thực hiện: Qua công tác tuần tra kiểm soát xử lý vi phạm trên lĩnh vực an toàn giao thông đường bộ; qua công tác nghiệp vụ; phản ánh hoặc đề nghị của công dân.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ: Quyết định thu hồi Giấy phép lái xe.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

4. Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc, kể từ ngày phát hiện Giấy phép lái xe thuộc trường hợp thu hồi.

5. Đối tượng thực hiện TTHC: Cá nhân có Giấy phép lái xe thuộc trường hợp bị thu hồi.

6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền ra Quyết định thu hồi giấy phép lái xe: Cục Cảnh sát giao thông; Phòng Cảnh sát giao thông.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Cảnh sát giao thông.

- Cơ quan phối hợp: Không có.

7. Kết quả thực hiện TTHC: Giấy phép lái xe bị thu hồi.

8. Phí, lệ phí: Không.

9. Tên mẫu đơn, tờ khai: Không.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Giấy phép lái xe bị thu hồi thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 62 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 118/2025/QH15.

- Giấy phép lái xe bị thu hồi theo quy định tại điểm a, b khoản 5 Điều 62 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ; hồ sơ, trình tự thực hiện cấp lại giấy phép lái xe thực hiện theo quy định tại các khoản 2, 3, 4 Điều 21 Thông tư số 108/2026/TT-BCA.

- Giấy phép lái xe bị thu hồi theo quy định tại điểm c khoản 5 Điều 62 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ, cơ quan quản lý giấy phép lái xe cập nhật dữ liệu về hành vi vi phạm trên hệ thống thông tin giấy phép lái xe tại Cục Cảnh sát giao thông kể từ ngày phát hiện hành vi vi phạm; ngoài ra, người có hành vi vi phạm không được cấp giấy phép lái xe trong thời hạn 05 năm, kể từ ngày phát hiện hành vi vi phạm; sau thời hạn 05 năm, kể từ ngày phát hiện hành vi vi phạm nếu có nhu cầu cấp lại giấy phép lái xe phải học và sát hạch lại như trường hợp cấp giấy phép lái xe lần đầu.

11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ số 36/2024/QH15 ngày 27/6/2024 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 118/2025/QH15 ngày 10/12/2025.

- Thông tư số 108/2026/TT-BCA ngày 29/6/2026 của Bộ Công an quy định về sát hạch, cấp giấy phép lái xe; cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế.

IV. Thủ tục: Cấp Giấy phép lái xe quốc tế

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Cá nhân gửi đề nghị trực tiếp tại Cục Cảnh sát giao thông hoặc Phòng Cảnh sát giao thông hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia.

b) Giải quyết TTHC:

- Đối với người Việt Nam, người nước ngoài có giấy phép lái xe quốc gia do Việt Nam cấp còn giá trị sử dụng, thực hiện như sau:

+ Trường hợp đề nghị trực tiếp, phải xuất trình bản chính giấy phép lái xe quốc gia do Việt Nam cấp, cá nhân được chụp ảnh trực tiếp hoặc gửi 01 ảnh chân dung, nền trắng kích thước 3cm x 4cm, hộ chiếu, thẻ thường trú (đối với người nước ngoài) để thực hiện kiểm tra tính chính xác, hợp pháp của việc cấp IDP và phải hoàn thành nghĩa vụ nộp lệ phí khi được tiếp nhận hồ sơ theo quy định. Trường hợp gửi trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia, cá nhân kê khai theo hướng dẫn và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, tính hợp pháp của nội dung đã kê khai, phải hoàn thành nghĩa vụ nộp lệ phí thông qua chức năng thanh toán lệ phí của Cổng Dịch vụ công quốc gia và nộp phí sử dụng dịch vụ khác theo nhu cầu của cá nhân.

+ Cơ quan tiếp nhận hồ sơ nhập thông tin điện tử; in phiếu hẹn trả kết quả sau khi tiếp nhận hồ sơ hợp lệ, trường hợp hồ sơ không hợp lệ thì thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản những nội dung cần bổ sung hoặc sửa đổi cho cá nhân

trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận đề nghị.

+ Phòng Cảnh sát giao thông chuyển dữ liệu đến Cục Cảnh sát giao thông để quản lý tập trung và cấp giấy phép lái xe.

- Đối với người Việt Nam, người nước ngoài có thẻ thường trú hoặc thẻ tạm trú tại Việt Nam, có giấy phép lái xe quốc gia do các quốc gia là thành viên của điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên cấp, còn giá trị sử dụng, thực hiện như sau:

+ Trường hợp đề nghị trực tiếp, phải xuất trình bản chính giấy phép lái xe quốc gia do các quốc gia là thành viên của điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên cấp, hộ chiếu, thẻ thường trú hoặc tạm trú (đối với người nước ngoài) để kiểm tra đối chiếu và phải hoàn thành nghĩa vụ nộp lệ phí khi được tiếp nhận hồ sơ theo quy định.

+ Cơ quan tiếp nhận hồ sơ nhập thông tin điện tử; in phiếu hẹn trả kết quả sau khi tiếp nhận hồ sơ hợp lệ, trường hợp hồ sơ không hợp lệ thì thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản những nội dung cần bổ sung hoặc sửa đổi cho cá nhân trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận đề nghị.

+ Giấy phép lái xe quốc tế được cấp trong thời hạn 2,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Dữ liệu được chuyển về Cục Cảnh sát giao thông để quản lý tập trung và cấp giấy phép lái xe quốc tế.

- Không cấp giấy phép lái xe quốc tế đối với các trường hợp sau đây:

+ Giấy phép lái xe quốc gia bị tẩy xóa không còn đủ các thông tin cần thiết hoặc có sự khác biệt về nhận diện.

+ Giấy phép lái xe quốc gia không do cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định.

2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đối với người Việt Nam, người nước ngoài có giấy phép lái xe quốc gia do Việt Nam cấp còn giá trị sử dụng, thực hiện như sau: Bản chính giấy phép lái xe quốc gia do Việt Nam cấp (trường hợp đề nghị trực tiếp); hộ chiếu, thẻ thường trú (đối với người nước ngoài); 01 ảnh chân dung nền trắng, kích thước 3cmx4cm.

- Đối với người Việt Nam, người nước ngoài có thẻ thường trú hoặc thẻ tạm trú tại Việt Nam, có giấy phép lái xe quốc gia do các quốc gia là thành viên của điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên cấp, còn giá trị sử dụng, thực hiện như sau: Bản dịch giấy phép lái xe nước ngoài ra tiếng Việt được bảo chứng chất lượng dịch thuật của cơ quan Công chứng hoặc Đại sứ quán, Lãnh sự quán tại Việt Nam mà người dịch làm việc, đóng dấu giáp lai với bản sao giấy phép lái xe; bản sao thẻ tạm trú hoặc thẻ thường trú hoặc chứng minh thư ngoại giao hoặc chứng minh thư công vụ đối với người nước ngoài; 01 ảnh chân dung, nền trắng, kích thước 3cmx4cm.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

4. Thời hạn giải quyết: 2,5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

5. Đối tượng thực hiện TTHC: Cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép lái xe: Cục Cảnh sát giao thông; Phòng Cảnh sát giao thông.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có.

- Cơ quan tiếp nhận hồ sơ và trả giấy phép lái xe: Cục Cảnh sát giao thông và Phòng Cảnh sát giao thông.

- Cơ quan phối hợp: Không có.

7. Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy phép lái xe quốc tế.

8. Phí, lệ phí: 115.000 đồng.

9. Tên mẫu đơn, tờ khai: Không.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Đối với người Việt Nam, người nước ngoài có giấy phép lái xe quốc gia do Việt Nam cấp còn giá trị sử dụng.

- Đối với người Việt Nam, người nước ngoài có thẻ thường trú hoặc thẻ tạm trú tại Việt Nam, có giấy phép lái xe quốc gia do các quốc gia là thành viên của điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên cấp, còn giá trị sử dụng.

11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Thông tư số 108/2026/TT-BCA ngày 29/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về sát hạch, cấp giấy phép lái xe; cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế.

- Thông tư số 154/TT-BTC ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp phí sát hạch lái xe, lệ phí cấp bằng, chứng chỉ được hoạt động trên các loại phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng.

V. Thủ tục: Đăng ký kiểm tra kiến thức pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ để được phục hồi điểm giấy phép lái xe

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp tại Cục Cảnh sát giao thông hoặc Phòng Cảnh sát giao thông hoặc Công an cấp xã nơi bố trí điểm tiếp nhận hoặc nộp trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công Bộ Công an hoặc Ứng dụng định danh quốc gia hoặc các Ứng dụng của lực lượng Công an nhân dân hoặc qua dịch vụ bưu chính.

b) Giải quyết TTHC:

- Trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến, người đăng ký kiểm tra đăng ký ngày kiểm tra, lựa chọn cơ quan có thẩm quyền kiểm tra (Cục Cảnh sát giao thông hoặc Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh, thành phố).

- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp tại Phòng Cảnh sát giao thông hoặc Cục Cảnh sát giao thông, cán bộ tiếp nhận kiểm tra hồ sơ, nếu hồ sơ hợp lệ viết giấy hẹn dự kiến thời gian, địa điểm tổ chức kiểm tra. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ

thì hướng dẫn ngay tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ bằng phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp tại Công an cấp xã, cán bộ tiếp nhận hồ sơ căn cứ thời gian, địa điểm tổ chức kiểm tra đã thông báo công khai trên Cổng thông tin điện tử thuộc phạm vi quản lý của Công an tỉnh, thành phố để viết giấy hẹn dự kiến thời gian, địa điểm tổ chức kiểm tra đối với hồ sơ hợp lệ. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ thì hướng dẫn ngay tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ bằng phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Công an cấp xã chậm nhất sau 01 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ hợp lệ có trách nhiệm chuyển hồ sơ về Phòng Cảnh sát giao thông.

- Trước ngày kiểm tra ít nhất 02 ngày làm việc sau khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền kiểm tra thông báo cho người đã đăng ký kiểm tra trước đó về thời gian, địa điểm tổ chức kiểm tra qua địa chỉ email, điện thoại hoặc hình thức khác ghi trong đơn đề nghị. Trường hợp thay đổi thời gian, địa điểm tổ chức kiểm tra đã thông báo trước đó thì cơ quan có thẩm quyền kiểm tra phải thông báo ngay cho người đã đăng ký kiểm tra trước đó qua địa chỉ email, điện thoại hoặc hình thức khác ghi trong đơn đề nghị về thời gian, địa điểm tổ chức kiểm tra kế tiếp.

- Kết thúc kiểm tra, người dự kiểm tra ký biên bản theo Mẫu số 02 Phụ lục kèm theo Thông tư số 105/2026/TT-BCA ngày 26/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định kiểm tra kiến thức pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ để phục hồi điểm giấy phép lái xe. Trường hợp người dự kiểm tra là người nước ngoài, người dân tộc thiểu số có người phiên dịch thì người dự kiểm tra và người phiên dịch ký tên hoặc điểm chỉ tại vị trí ký tên trong biên bản kiểm tra. Biên bản kiểm tra được lập thành 02 bản, 01 bản lưu trữ tại cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, 01 bản giao cho người dự kiểm tra.

- Người có kết quả kiểm tra không đạt yêu cầu có thể đăng ký kiểm tra lại tại cơ quan có thẩm quyền đã tổ chức kiểm tra trước đó hoặc lựa chọn cơ quan có thẩm quyền kiểm tra để đề nghị kiểm tra lại. Trường hợp đề nghị kiểm tra lại, nếu giấy khám sức khỏe còn giá trị sử dụng thì người đăng ký kiểm tra chỉ gửi đơn đề nghị kiểm tra.

2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Cục Cảnh sát giao thông, Phòng Cảnh sát giao thông hoặc Công an cấp xã nơi bố trí điểm tiếp nhận.

- Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID), Cổng dịch vụ công Bộ Công an hoặc các Ứng dụng của lực lượng Công an nhân dân.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị kiểm tra kiến thức pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ *(Mẫu số 01 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 105/2026/TT-BCA ngày 26/6/2026).*

+ Giấy khám sức khỏe của người lái xe do cơ quan y tế có thẩm quyền cấp còn giá trị sử dụng (bản giấy hoặc bản điện tử).

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

4. Thời hạn giải quyết: Trước ngày kiểm tra ít nhất 02 ngày làm việc, sau khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền kiểm tra thông báo thời gian, địa điểm kiểm tra qua tin nhắn điện thoại hoặc địa chỉ thư điện tử trong đơn đề nghị của người đăng ký kiểm tra.

5. Đối tượng thực hiện TTHC: Cá nhân.

6. Cơ quan giải quyết TTHC: Cục Cảnh sát giao thông; Phòng Cảnh sát giao thông.

7. Kết quả thực hiện TTHC: Phục hồi điểm giấy phép lái xe.

8. Phí, lệ phí: Không.

9. Tên mẫu đơn, tờ khai: Đơn đề nghị kiểm tra kiến thức pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ *(Mẫu số 01 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 105/2026/TT-BCA ngày 26/6/2026).*

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Người đăng ký kiểm tra có giấy phép lái xe bị trừ hết điểm sau thời hạn ít nhất 6 tháng (kể từ ngày bị trừ hết điểm).

Đối với trường hợp đăng ký trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, Cổng Dịch vụ công Bộ Công an, thì người thực hiện thủ tục phải có tài khoản định danh mức độ 2.

11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ số 36/2024/QH15 ngày 27/6/2024 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 118/2025/QH15 ngày 10/12/2025.

- Thông tư số 65/2024/TT-BCA ngày 12/11/2024 của Bộ Công an quy định kiểm tra kiến thức pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ để được phục hồi điểm giấy phép lái xe được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 105/2026/TT-BCA ngày 26/6/2026.